

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TV
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13-5-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Đa Ra.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 285/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thúy N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 1169, Đường Tinh Lộ 10, Phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 3/27 Đường T, Khóm C, Phường V, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Đỗ Thúy N là nguyên đơn trình bày:

Năm 2015, bà và ông Nguyễn Thành T qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Sau đó, bà cùng ông T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 17/5/2016. Trong quá trình chung sống,

bà và ông T có một người con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 13/8/2016. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ly hôn là do ông T ghen tương vô cớ từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Bà và Nguyễn Thành T có một người con chung tên Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 13/8/2016. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của cháu Nguyễn Thiện T1: Ba mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được sống chung với mẹ Đỗ Thúy N.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thúy N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Đỗ Thúy N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T, và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”. Vụ án có bị đơn ông Nguyễn Thành T cư trú tại Khóm C, Phường V, thành phố Trà Vinh, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành T, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý

kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thành T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thúy N và ông Nguyễn Thành T qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau, bà N và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo bà N trình bày, mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến bà N yêu cầu được ly hôn với ông T là do ông T thường xuyên quản lý bà N trong mọi việc, từ việc sinh hoạt gia đình đến các mối quan hệ bên ngoài. Ông T không cho bà N qua lại với con riêng của bà N và không cho gặp ba mẹ ruột của bà N. Từ đó, bà N cảm thấy không còn tự do. Tòa án có tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T nhưng đại diện chính quyền địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T.

Ông T biết được việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T thông qua việc Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó cho thấy, ông T không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà N. Trong thời gian ly thân từ tháng 06/2022 đến nay giữa bà N và ông T cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà N không còn yêu thương và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với T. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông T không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 13/8/2016. Tuy nhiên, khi quyết định giao cháu Nguyễn Thiện T1 cho người nào nuôi dưỡng cần xem xét toàn diện về điều kiện, hoàn cảnh của người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Thiện T1 từ trước đến nay đều do bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà N có đủ khả năng về kinh tế để lo cho tương lai của cháu T1. Cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà N. Do đó, để đảm bảo cuộc sống cũng như ổn định tâm lý của cháu T1, cần thiết giao cháu T1 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N đã được giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N không yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thúy N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thúy N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Đỗ Thúy N phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thúy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thúy N được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện T1, sinh ngày 13/8/2016 cho bà Đỗ Thúy N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thúy N không yêu cầu ông Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thúy N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Đỗ Thúy N khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thúy N phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã đóng theo biên lai thu tiền số 0018144 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV. Bà N đã nộp đủ tiền án phí, nên bà N không phải nộp tiếp.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên